**DANH MỤC HÀNG HÓA VÀ THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CFS**

Danh mục hàng hóa và thẩm quyền quản lý CFS được quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 69/2018/NĐ-CP (sửa đổi tại khoản 7 Điều 147 Nghị định 96/2023/NĐ-CP) như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Hàng hóa** | **Thẩm quyền quản lý** |
| 1 | a) Thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, thực phẩm bổ sung, phụ gia thực phẩm, nước uống, nước sinh hoạt, nước khoáng thiên nhiên; thuốc lá điếu; hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế;  b) Thuốc, mỹ phẩm;  c) Thiết bị y tế. | Bộ Y tế |
| 2 | a) Giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản; nông sản, lâm sản, thủy sản, muối; gia súc, gia cầm, vật nuôi;  b) Vật tư nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; phân bón; thức ăn, nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi; thức ăn thủy sản, chất bổ sung vào thức ăn thủy sản;  c) Sản phẩm trong nuôi trồng, thu hoạch, chế biến, bảo quản, vận chuyển nông sản, lâm sản, thủy sản, muối;  d) Phụ gia, hóa chất sử dụng trong nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; chế phẩm sinh học, hóa chất xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản; thuốc bảo vệ thực vật, động vật;  đ) Dụng cụ, thiết bị chuyên dùng trong nuôi trồng thủy sản. | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 3 | a) Các loại phương tiện giao thông; phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác, vận chuyển trên biển; phương tiện, thiết bị xếp dỡ thi công chuyên dùng trong giao thông vận tải (trừ phương tiện phục vụ vào mục đích quốc phòng, an ninh và tàu cá) và trang bị, thiết bị kỹ thuật chuyên ngành giao thông vận tải.  b) Máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải. | Bộ Giao thông vận tải |
| 4 | Vật liệu xây dựng. | Bộ Xây dựng |
| 5 | a) Hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp;  b) Máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;  c) Sản phẩm công nghiệp tiêu dùng, công nghiệp thực phẩm và công nghiệp chế biến khác theo quy định của pháp luật.  d) Sản phẩm, hàng hóa khác không thuộc thẩm quyền quản lý của các bộ, cơ quan nêu tại Phụ lục V. | Bộ Công Thương |
| 6 | a) Máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động; phương tiện bảo vệ cá nhân đối với người lao động;  b) Các sản phẩm đặc thù về an toàn lao động theo quy định của pháp luật. | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội |
| 7 | a) Sản phẩm báo chí; xuất bản; bưu chính và chuyển phát;  b) Thiết bị viễn thông;  c) Sản phẩm, bưu chính, viễn thông, điện tử và công nghệ thông tin;  d) Thiết bị phát, thu phát sóng vô tuyến điện. | Bộ Thông tin và Truyền thông |
| 8 | a) Tài nguyên, khoáng sản;  b) Đo đạc bản đồ. | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 9 | a) Sách giáo khoa, giáo trình, tài liệu hướng dẫn giáo viên;  b) Thiết bị dạy học, đồ chơi cho trẻ em trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ theo quy định của pháp luật. | Bộ Giáo dục và Đào tạo |
| 10 | a) Các sản phẩm văn hóa;  b) Trang thiết bị luyện tập, thi đấu của các cơ sở thể dục thể thao và của các môn thể thao. | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 11 | Các thiết bị chuyên dùng cho ngân hàng. | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam |
| 12 | Phương tiện, trang thiết bị quân sự, vũ khí đạn dược, sản phẩm phục vụ quốc phòng, công trình quốc phòng không thuộc đối tượng bí mật quốc gia. | Bộ Quốc phòng |
| 13 | Trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy, trang thiết bị kỹ thuật, vũ khí, khí tài, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và các loại sản phẩm khác sử dụng cho lực lượng công an nhân dân không thuộc đối tượng bí mật quốc gia. | Bộ Công an |
| 14 | Thiết bị an toàn bức xạ hạt nhân; phương tiện, dụng cụ đo lường và các sản phẩm, hàng hóa khác, trừ các sản phẩm đã nêu từ Khoản 1 đến Khoản 13 và các sản phẩm, hàng hóa thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, bí mật quốc gia. | Bộ Khoa học và Công nghệ |